

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2018/HS-ST
Ngày: 23/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Tiến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn
Bà Nguyễn Thị Nhạn
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 235/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1) Lê Minh H, sinh năm 1993, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 493E/A2, ấp N, xã H, TP. B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1965 (Cha dượng) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1971; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 17/6/2016, bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 183/QĐ-TA của Tòa án nhân dân thành phố B với thời hạn 24 tháng; Bị bắt: 16/02/2018 (Có mặt).

2) Huỳnh Thanh S (H), sinh năm 1994, tại TP. Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 26, đường số 10, tổ 9A, KP4, phường T, quận T, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 83/1, ấp N, xã H, TP. B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Huỳnh Thanh H1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1952 (Đã mất); Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 25/4/2016, bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 38/QĐ-TA của Tòa án nhân dân thành phố B với thời hạn 24 tháng; Bị bắt: 16/02/2018 (Có mặt).

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Kiều V, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 1615/43, KP3, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Minh G, sinh năm 1968.

2. Ông Trần Đăng Quốc T, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: tổ 4, ấp H, xã P, TP. B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh H và Huỳnh Thanh S đều là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định. Do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên H và S bàn bạc với nhau đi chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 16/02/2018, S điều khiển xe mô tô biển số 60H1-8322 chở H lưu thông trên đường nội bộ thuộc khu dân cư khu phố 4, phường T, TP. B thì phát hiện chị Nguyễn Thị Kiều V đang ngồi sau xe mô tô do chồng anh Dương Khánh D điều khiển lưu thông cùng chiều phía trước xe H và S; lúc này trên tay chị V cầm 01 chiếc bóp da nữ màu tím, bên trong có 4.000.000đ và 01 điện thoại di động Iphone 5S, H nói S áp sát xe mô tô của anh D để H cướp giật bóp da trên tay của chị V thì S đồng ý và liền điều khiển xe chạy lên áp sát bên trái xe mô tô của anh D để H dùng tay phải giật bóp da của chị V. Sau khi cướp giật được tài sản S tăng ga điều khiển xe mô tô bỏ chạy, chị V tri hô “Cướp, cướp” thì anh D điều khiển xe chở chị V đuổi theo. Cùng lúc này, anh Nguyễn Văn H đang đứng trước cổng nhà nghe tiếng tri hô, thấy S điều khiển xe chở H chạy về hướng mình nên anh H liền chạy ra giữa đường để ngăn chặn bắt giữ thì xe do S điều khiển va chạm vào người anh H làm anh H té ngã xuống đường nhưng không bị thương tích gì. Liên lúc này, quần chúng nhân dân đến hỗ trợ anh H bắt giữ H, S cùng tang vật giao Công an phường T lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S; 01 bóp da nữ màu tím hiệu Versace và 4.000.000đ của chị Nguyễn Thị Kiều V. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho chị V.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 60H1-8322, số máy 0151918, số khung 151914 là phương tiện do H và S sử dụng đi cướp giật tài sản; S khai mượn của bạn là Trần Đăng Quốc T (Thảo mượn xe mô tô của bố là ông Trần Minh G). Việc S sử dụng xe mô tô trên dùng làm phương tiện phạm tội anh T không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/TCKH-HĐĐG ngày 09/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã định giá và kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S và 01 cái bóp da nữ màu tím hiệu Versace có tổng giá trị tài sản định giá là 2.399.600đ.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Kiều V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đặng Quốc T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với hành vi của S và H điều khiển xe mô tô biển số 60H1-8322 va đụng vào anh Nguyễn Văn H nhưng không gây thương tích; anh H không có yêu cầu gì nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với S và H.

Tại bản cáo trạng số 246/CT-VKSBH ngày 12/7/2018 của Viện kiểm Sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Lê Minh H, Huỳnh Thanh S về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Xử phạt bị cáo Lê Minh H mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; bị cáo Huỳnh Thanh S mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Minh H, Huỳnh Thanh S đã khai nhận vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 16/02/2018 khi S điều khiển xe mô tô biển số 60H1-8322 chở H đi đến đoạn đường nội bộ khu dân cư khu phố 4, phường T, thành phố B thì phát hiện anh Dương Khánh D đang điều khiển mô tô lưu thông cùng chiều phía trước chở chị Nguyễn Thị Kiều V (vợ anh D) ngồi sau; liền lúc này H nói S cho xe mô tô áp sát xe của anh D để H cướp giật tài sản của chị V thì S đồng ý; S điều khiển xe chạy lên áp sát bên trái xe mô tô của anh D để H dùng tay phải giật 01 chiếc bóp da nữ màu tím trên tay của chị V đang cầm, bên trong có 4.000.000đ và 01 điện thoại di động Iphone 5S rồi điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Sau đó, các bị cáo bị quần chúng nhân dân phát hiện, bắt giữ giao Công an phường T lập biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/TCKH-HĐĐG ngày 09/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã định giá và kết luận: “01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S và 01 cái bóp da nữ màu tím hiệu Versace có tổng giá trị tài sản định giá là 2.399.600đ. Do vậy, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 6.399.600đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Minh H, Huỳnh Thanh S đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố và viện dẫn.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên các bị cáo đã chủ động thống nhất cùng nhau bàn bạc thực hiện hành vi cướp giật tài sản; đồng thời khi phát hiện người bị hại mất cảnh giác nên bị cáo Sang liền chủ động điều khiển xe mô tô áp sát để bị cáo Hùng ngồi sau thực hiện việc cướp giật tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là ngang nhau khi quyết định mức hình phạt.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm và nghiêm trọng, các bị cáo sử dụng xe mô tô dùng làm phương tiện phạm tội nên được xác định là dùng thủ đoạn nguy hiểm để chiếm đoạt tài sản của người bị hại; hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, không những làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương; hành vi của bị cáo thể hiện rất táo bạo, liều lĩnh quyết liệt và xem thường pháp luật.

Ngoài ra, cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, đã có tiền sự bị Tòa án nhân dân thành phố B ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đều với thời hạn 24 tháng; bị cáo S đã từng bị kết án về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 19/2014/HSST ngày 22/01/2014 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” nhưng các bị cáo không chịu làm ăn lương thiện nay lại tiếp tục phạm tội mới thể hiện các bị cáo là đối tượng liều lĩnh, có thái độ xem thường pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo là rất kém. Do vậy, đối với các bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm mục đích giáo dục cải tạo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị Kiều V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đăng Quốc T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 60H1-8322, số máy 0151918, số khung 151914 là phương tiện do các bị cáo sử dụng đi cướp giật tài sản; do bị cáo S mượn của bạn là Trần Đăng Quốc T (T mượn xe mô tô của bố là ông Trần Minh G). Do vậy, việc các bị cáo sử dụng xe mô tô trên dùng làm phương tiện phạm tội anh Thảo không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 41/2017/NQ-QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Minh H, Huỳnh Thanh S phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt:

+ Bị cáo **Lê Minh H** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2018.

+ Bị cáo **Huỳnh Thanh S** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/02/2018.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lê Minh H, Huỳnh Thanh S phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP. B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự TP. B;
- Bị cáo (2);
- Người bị hại; Người có QLNVLQ (3);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Tiến